

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐ-ST ngày 21/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh ngày 26/12/1982 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang ở: số A đường H, phường C, khu B, thành phố D, Đài Loan.

Chị M ủy quyền cho chị Hà Thu H, sinh năm 2001; Nơi thường trú: tổ N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn B, sinh ngày 05/9/1980 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị P, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn S, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh B được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu và chung sống hòa thuận. Chung sống hòa thuận đến năm 2015, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi và ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù anh, chị đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình cùng khuyên bảo nhưng không được. Đến năm 2021 vợ chồng chính thức sống ly thân nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do điều kiện kinh tế khó khăn cùng với mâu thuẫn trầm trọng giữa hai vợ chồng nên năm 2022 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là cháu Đào Thị T, sinh ngày 26/7/2004, cháu Đào Khánh L, sinh ngày 02/9/2006 và cháu Đào Khánh H, sinh ngày 08/02/2015. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L đang sống cùng anh B, cháu H đang sống cùng bà ngoại (bà Hà Thị P). Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu L cho anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị đang ở Đài Loan.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đào Văn B là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giống như chị M trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 03 con chung là cháu Đào Thị T, sinh ngày 26/7/2004, cháu Đào Khánh L, sinh ngày 02/9/2006 và cháu Đào Khánh H, sinh ngày 08/02/2015. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L hiện đang sinh sống cùng anh, cháu H đang sinh sống ở hai nơi là nhà anh và nhà bà P (bà ngoại). Lý do là do trường gần nhà bà ngoại nên ngày thường cháu ở dưới đó để thuận tiện đi học, cuối tuần cháu lại về sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu L và cháu H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P trình bày: Hiện tại cháu H đang sinh sống cùng bà vào những ngày cháu đi học, còn cuối tuần cháu về sống với anh B. Bà không đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H giúp chị M trong thời gian chị M ở nước ngoài. Anh, chị ly hôn bà đề nghị giao cháu H cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình cháu H sinh sống cùng bà có phát sinh công sức chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng bà xác định đây là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với cháu nên bà không yêu cầu anh B, chị M trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

Cháu Đào Khánh L trình bày: Cháu hiện đang sinh sống cùng bố và em trai tại thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Cháu được bố chăm sóc cẩn thận, chu đáo, được đưa đi học đầy đủ. Mẹ cháu đang đi lao động tại nước ngoài nên nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở cùng bố.

Cháu Đào Khánh H trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà ngoại những ngày đi học, cuối tuần cháu về ở với bố và các chị tại thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở cùng bố và các chị.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị M, anh Đào Văn B, bà Hà Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đặng Thị M; biên bản làm việc đối với anh Đào Văn B, bà Hà Thị P, cháu Đào Khánh L, cháu Đào Khánh H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M.

Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Đào Văn B.

Về con chung: Do chị M hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đào Khánh L, Đào Khánh H cho anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do anh B, chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện xin ly hôn anh B và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị M, anh B có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Chị M có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc về việc đang lao động tại Đài Loan. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đặng Thị M, anh Đào Văn B, bà Hà Thị P là đương sự trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đặng Thị M, anh Đào Văn B và bà Hà Thị P.

[4]. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Đào Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đào Văn B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị M với anh Đào Văn B, Hội đồng xét xử thấy: Anh B, chị M đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2021 anh, chị sống ly thân nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh B, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh B là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp

Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Chị M, anh B có 03 con chung là cháu Đào Thị T, sinh ngày 26/7/2004, cháu Đào Khánh L, sinh ngày 02/9/2006 và cháu Đào Khánh H, sinh ngày 08/02/2015. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L hiện đang sinh sống cùng anh B, cháu H những ngày đi học sinh sống cùng bà P (bà ngoại) còn cuối tuần về sinh sống cùng anh B. Sau khi ly hôn chị M đề nghị giao cháu L cho anh B, giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, chị M đề nghị Tòa án tạm giao cháu H cho bà P trong thời gian chị đang ở Đài Loan. Anh B đề nghị giao cháu L, Hòa cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M, anh B, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với yêu cầu giao nuôi con chung của chị M: Hiện nay chị M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà Hà Thị P là mẹ đẻ chị M không đồng ý thay chị chăm sóc cháu H trong thời gian chị lao động ở nước ngoài. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M về việc giao chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn.

Đối với yêu cầu nuôi giao con chung của anh B: Từ khi chị M đi lao động tại nước ngoài cho đến nay anh B vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các con chung, con chung phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ngoài ra, cháu L, cháu H trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu L, Hòa cho anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo, phù hợp hơn chị M, phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Đặng Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Đặng Thị M về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M, anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị M, anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị M đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị M được ly hôn anh Đào Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Khánh L, sinh ngày 02/9/2006, cháu Đào Khánh H, sinh ngày 08/02/2015 cho anh Đào Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đặng Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001075 ngày 21/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đặng Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đặng Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đào Văn B, bà Hà Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền